

BÁO CÁO
Công tác công tác phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ năm 2020
trên địa bàn xã Quảng Thành

Căn cứ Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ GD&ĐT Quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC và Quyết định số 1387/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ GD&ĐT về việc đính chính Thông tư 07;

Căn cứ Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành về công tác PCGD-XMC năm 2020.

Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục xã Quảng Thành báo cáo kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ của xã Quảng Thành tính đến thời điểm tháng 10 năm 2020 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Quảng Thành là xã bãi ngang của huyện Quảng Điền, toàn xã có 9 thôn với 3.040 hộ và 12.666 nhân khẩu; là một xã có truyền thống cách mạng; nhân dân có tinh thần đoàn kết, yêu thương giúp đỡ đùm bọc lẫn nhau trong phát triển kinh tế cũng như trong đời sống tinh thần của bà con nhân dân, đặc biệt là trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

Song song với phát triển kinh tế - xã hội của xã, sự nghiệp giáo dục và Đào tạo ngày càng phát triển và mang tính bền vững. Hệ thống trường, lớp phát triển theo quy hoạch đã được phê duyệt, cơ sở vật chất được đầu tư theo hướng kiên cố, đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu huy động số lượng và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong các ngành học, cấp học. Chất công tác giáo dục ngày càng phát triển, tỉ lệ huy động trẻ đến trường trong độ tuổi tăng, chất lượng đội ngũ được nâng cao trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn.

1. Thuận lợi

Công tác PCGD - XMC đã được Đảng ủy, UBND quan tâm, đầu tư công sức, trí tuệ và kiên trì tổ chức thực hiện khá nề nếp. Ban chỉ đạo PCGD-XMC

kip thời củng cố, kiện toàn và duy trì hoạt động khá hiệu quả. Các tổ chức, đoàn thể đã có những hoạt động thiết thực tham gia chăm lo sự nghiệp giáo dục như vận động nhân dân hiến đất xây dựng trường học, xây dựng quỹ khuyến học, quỹ hỗ trợ, tạo nguồn giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn đến trường.

Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới đã thực hiện đạt hiệu quả cao, là điều kiện thuận lợi để phát triển giáo dục, tăng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, tăng tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình các cấp học, góp phần bảo đảm điều kiện thực hiện PCGD-XMC theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Phần mềm quản lý PCGD-XMC đã giúp các đơn vị thuận lợi trong việc theo dõi, thống kê kết quả PCGD-XMC.

2. Khó khăn

Một số hộ gia đình đi làm ăn xa lâu năm nay con đến tuổi đi học lại trở về quê xin vào học nên công tác điều tra độ tuổi gặp nhiều khó khăn.

Đối với học sinh nghỉ học đa số thuộc diện kinh tế khó khăn thường đi làm ăn xa, học kém rụt rè không đến lớp.

Một số em chưa xác định được thái độ, động cơ học tập, còn ham chơi, không chịu khó học tập dẫn đến học yếu, bỏ học.

Đa số phụ huynh làm ăn xa khỏi địa phương khá lớn, vì vậy vấn đề quan tâm chăm sóc trẻ gặp nhiều khó khăn; một bộ phận phụ huynh ít quan tâm và kiến thức, điều kiện chăm sóc nuôi dạy còn nhiều hạn chế, vì vậy tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng cao so với mặt bằng chung toàn huyện.

Sự phối kết hợp của các ban ngành đoàn thể thiếu đồng bộ, công tác tuyên truyền vận động chưa được thường xuyên; công tác xã hội hóa giáo dục chưa mạnh, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Cảnh quang môi trường chưa được qui hoạch và chưa đầu tư xây dựng.

II. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ PCGD-XMC NĂM 2020:

1. Tổ chức thực hiện công tác PCGD-XMC

- Ban chỉ đạo PCGD-XMC Quảng Thành đã được kiện toàn để chỉ đạo các trường học trên địa bàn, đồng thời đã giao trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị, đoàn thể, tổ chức xã hội.. tham gia thực hiện tốt công tác PCGD-XMC trên địa bàn.

- Việc thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá kết quả PCGD-XMC trên địa bàn được thực hiện đảm bảo thời gian và đúng quy định.

- Ban chỉ đạo PCGD có kế hoạch chỉ đạo cụ thể đến các trường học trên địa bàn và đề ra nhiệm vụ cụ thể cho từng năm nhằm phấn đấu hạ thấp tỷ lệ bỏ học giữa chừng; thực hiện công tác xóa mù chữ đối tượng 15-60 cho toàn bộ nhân dân trên địa bàn.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác điều tra khảo sát độ tuổi từ 0-60 để nhập vào phần mềm PCGD-XMC phục vụ cho công tác quản lý chỉ đạo của lãnh đạo các cấp, đồng thời nắm các đối tượng bỏ học, mù chữ để có kế hoạch huy động ra lớp.

- Phân công các thành viên BCĐ PCGD, mỗi thành viên chịu trách nhiệm trên thôn mình ở trong công tác điều tra huy động để duy trì số lượng.

- Các đoàn thể ban ngành của UBND xã xem công tác PCGD- XMC là tiêu chí phấn đấu của ban ngành.

- Các thôn trên địa bàn xã coi công tác PCGD - XMC là nhiệm vụ phải hoàn thành để phấn đấu đăng ký làng văn hoá.

2. Kết quả công tác PCGD-XMC

2.1. Kết quả công tác PCGD Mầm non cho trẻ 5 tuổi

a. Trẻ em:

Xã Quảng Thành 02 trường mầm non, 04 điểm trường với tổng số 24 nhóm, lớp.

Trong đó NT: 07 nhóm; MG: 17 lớp, riêng 5 tuổi 05 lớp.

Mạng lưới trường lớp được UBND xã quy hoạch và đáp ứng nhu cầu huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo. Xây dựng các điểm trường, kang trang, sạch đẹp tăng sự thu hút trẻ. Phòng học, nhà vệ sinh đảm bảo điều kiện đổi mới nội dung chăm sóc giáo dục trẻ và từng bước xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi.

Các nhóm lớp đủ điều kiện huy động trẻ ra lớp, đồng thời đảm bảo tỷ lệ lớp học 2 buổi/ngày.

Chỉ đạo 02 trường mầm non nâng cao chất lượng CS-ND-GD trẻ, thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non cho tất cả các nhóm, lớp trong độ tuổi.

Năm học 2020-2021: Xã Quảng Thành có 02 trường mầm non

- Huy động thực tế tại trường: 510 trẻ/24 nhóm, lớp

Trong đó:

Nhà trẻ: 124 trẻ/07 nhóm

Mẫu giáo: 386 trẻ/17 lớp

Riêng 5 tuổi: 133 trẻ/05 lớp

- Công tác huy động trẻ địa phương ra lớp: 491/664 trẻ

Trong đó:

Nhà trẻ: 119/ 289 trẻ; đạt 41.17%.

Mẫu giáo: 372/375 trẻ; đạt 99.2%

Riêng 5 tuổi: 127/127 trẻ; đạt 100%

b. Giáo viên

- Đội ngũ CBGVNV: 64 người.

Trong đó:

+ CBQL: 06

+ Giáo viên: 42 (GVNT: 14, GVMG: 28 GV; Riêng GV 5 tuổi: 09).

+ Nhân viên: 16 (NVVP: 06, NVCD: 10).

Đội ngũ cán bộ, giáo viên được các cấp tạo điều kiện tham gia học nâng chuẩn, tỷ lệ giáo viên MN đạt chuẩn 100%, trong đó:

Trên chuẩn 41/42 giáo viên, đạt tỷ lệ 97.6%; đạt chuẩn 01/42 giáo viên, đạt tỷ lệ 2.4% (Đại học: 17/42 GV đạt tỷ lệ 40.5%; Cao đẳng: 24/42 GV đạt tỷ lệ 57.1%; Trung cấp: 01/42 GV tỷ lệ 2.4%).

c. Cơ sở vật chất và trang thiết bị:

- Phòng học và thiết bị:

+ Phòng học: 24 phòng/ 24 nhóm, lớp.

Riêng phòng học 5 tuổi: 05 phòng, có đủ diện tích theo qui định.

+ Thiết bị đồ dùng dạy học: Phần lớn thiết bị bàn ghế, ti vi, đồ dùng học tập cá nhân trẻ tương đối đầy đủ, thiết bị dạy học tự làm chóng hỏng.

+ Có 24 bộ thiết bị. Trong đó có 13 bộ thiết bị đầy đủ (05 bộ cho trẻ 5 tuổi, 06 bộ cho trẻ 3-4 tuổi, 02 bộ cho trẻ nhà trẻ); 11 bộ thiết bị chưa đầy đủ các độ tuổi khác khoảng 60%.

*** Kết quả PCGD trẻ 5 tuổi**

1. Các điều kiện đảm bảo phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi theo quy định tại Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT

1.1 Về đội ngũ giáo viên và nhân viên :

- Số giáo viên, nhân viên được hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành: 58/58, tỷ lệ 100%.

- Số giáo viên dạy lớp 5 tuổi/ lớp: 09 GV/5 lớp. Tỷ lệ: 1.8 GV/lớp.

- Có 09/09 giáo viên lớp 5 tuổi đạt trình độ trên chuẩn 100% (09 giáo viên Đại học).

- Số giáo viên dạy lớp 5 tuổi đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp GVMV theo quy định.

Kết quả tự đánh giá chuẩn nghề nghiệp: 04/09 GV Tốt, 04/09 GV khá.

- Số người theo dõi công tác PCGD-XMC tại địa bàn được phân công: 01 người.

Đánh giá: Đạt

1.2 Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

- Số phòng học cho lớp mẫu giáo 5 tuổi: 05 phòng/05 lớp, tỷ lệ: 100%; phòng học được xây dựng kiên cố: 05/05 phòng, trong đó phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích tối thiểu cho trẻ: 1,86m²/ trẻ. Phòng học đảm bảo an toàn, đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè.

- Số lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ TBDH tối thiểu: 05/05 lớp, tỷ lệ 100%.

- Sân chơi: 04/04 bộ đồ chơi/04 sân. Sân chơi xanh, sạch, đẹp, đồ chơi ngoài trời được sử dụng thường xuyên, an toàn.

- Có nguồn nước sạch đảm bảo cho trẻ sử dụng, hệ thống thoát nước đảm bảo.

- Có 05 phòng vệ sinh/05 lớp thuận tiện, đảm bảo vệ sinh.

Đánh giá: Đạt

2. Các tiêu chuẩn thực hiện phổ cập GDMN trẻ năm tuổi

Tổng số trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non 108/109 trẻ, đạt tỷ lệ 99,08%.

Đánh giá: Đạt

3. Đánh giá chung:

Xã Quảng Thành đã đạt tiêu chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi năm 2020.

a. Ưu điểm:

Xã Quảng Thành thực hiện các văn bản chỉ đạo từ Trung ương đến địa phương đạt tiêu chuẩn giáo dục phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi theo Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ GD&ĐT Quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Công tác nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục được chú trọng, làm tốt công tác tuyên truyền đến tận người dân, việc đầu tư cơ sở vật chất thiết bị đồ dùng đầy đủ và phong phú từ đó nhận thức của phụ huynh về việc chăm sóc giáo dục trẻ ngày càng cao đặc biệt phụ huynh đã nhận thấy tầm quan trọng của việc đưa trẻ ra lớp đúng độ tuổi, công tác phối hợp các ban ngành đoàn thể thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục, tập trung đầu tư chăm sóc giáo dục trẻ 5 tuổi.

Công tác tham mưu được Đảng, Chính quyền, các cấp các ngành quan tâm và hưởng ứng phong trào, đồng thời kêu gọi các ban ngành đoàn thể, thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục... tham gia đầu tư nguồn lực cho công tác PCGDMN trẻ 5 tuổi.

Đội ngũ CBGVNV có trách nhiệm, tâm huyết nghề nghiệp năng động, sáng tạo quan tâm sự nghiệp giáo dục mầm non và công tác phổ cập GDMN5T. Tham gia tích cực các phong trào tự làm đồ dùng dạy học, đồ chơi phục vụ cho việc chăm sóc, nuôi dạy; đã có nhiều giải pháp tích cực tham mưu cho Lãnh đạo các cấp và chỉ đạo nhà trường thực hiện đồng bộ, quyết liệt về công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

b. Tồn tại và nguyên nhân

- Cảnh quan môi trường, sân chơi bãi tập chưa được đầu tư xây dựng một cách đồng bộ để xây dựng trường đạt chuẩn.

- Thiết bị đồ dùng đồ chơi cho trẻ 5 tuổi và dưới 5 tuổi chưa đầy đủ, có phần ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

2.2. Kết quả công tác PCGD Tiểu học:

a, Tiêu chí học sinh:

- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 109/109 tỷ lệ: 100%
- Trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 112/115 tỷ lệ: 97,4%
- Trẻ 11 tuổi còn lại đang học tiểu học: 3/115 tỷ lệ: 2,6 %
- Trẻ đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 496/499 tỷ lệ: 99,4%
- Trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 7/7 tỷ lệ: 100 %

b, Tiêu chí đội ngũ:

- Số CBQL: 04 (02 Hiệu trưởng, 02 P.Hiệu trưởng).
- Số giáo viên đảm bảo để dạy đủ các môn học : 40
- Tổng số lớp : 24
- Tỷ lệ giáo viên/lớp : 40/24 tỷ lệ: 1,6
- Số lớp dạy 9-10 buổi/tuần : 24/24 tỷ lệ: 100%
- Giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo: : 40/40 tỷ lệ: 100%
- Giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo : 40/40 tỷ lệ: 100%
- Giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp : 40/40 tỷ lệ: 100%
- Số giáo viên làm công tác TPT Đội TNTP Hồ Chí Minh: 02
- Số lượng giáo viên dạy các môn đặc thù: 13 (Mĩ thuật: 03; Âm nhạc: 03; Thể dục: 02; Tin học: 02; Ngoại ngữ: 03)
- Số giáo viên xếp loại xuất sắc chuẩn nghề nghiệp: 16/38 tỷ lệ: 42,11%
- Số Giáo viên xếp loại khá chuẩn nghề nghiệp: 22/38 tỷ lệ : 57,89%

- Số giáo viên xếp loại trung bình chuẩn nghề nghiệp: 0/38 tỷ lệ : 0%

c, Tiêu chí cơ sở vật chất:

- Số trường tiểu học: 02
- Số phòng học văn hóa/lớp: 24/24 tỷ lệ: 1,0
- Số phòng học có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học: 24/24
- Số phòng chức năng: 22/756m² (Hiệu trưởng: 02; P.HT: 02; Văn phòng: 03; Y tế: 03; TTHĐ Đội: 03 ; Phòng họp: 03; Thư viện: 03 ; Thiết bị:03)
- Số công trình vệ sinh: 08 tổng diện tích : 182m²
(dành cho giáo viên: 03; dành cho học sinh: 05)
- Số sân chơi/DT : 03/ 4881m²
- Số bãi tập/DT : 02/1624m²
- Tỷ lệ Diện tích sân chơi bãi tập:6505/17145m² tỷ lệ: 26,3%
- Diện tích bình quân học sinh : 28,8m²/ 1HS

Đơn vị có mạng lưới trường lớp phù hợp, có phòng học an toàn, có bảng, đủ bàn ghế đúng quy cách cho học sinh và giáo viên, đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông.

- Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc giảng dạy và học tập của thầy và trò, mỗi lớp có riêng một phòng học và phòng học bộ môn; 100% số lớp học 2buổi/ngày; có đủ các phòng chức năng, phòng bộ môn, phòng hiệu bộ, văn phòng. Sân chơi bãi tập so với diện tích, mặt bằng các nhà vệ sinh trường học bảo đảm theo quyết định số 2165/BG-ĐT, Quyết định số 1221/BYT của Bộ Y tế ngày 18/2/2000.

Đối chiếu Điều 11 của Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về Phổ cập giáo dục xóa mù chữ; Điều 4 Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung quy trình, thủ tục kiểm tra kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập xóa mù chữ.

Đơn vị có mạng lưới trường lớp phù hợp, có phòng học an toàn, có bảng, đủ bàn ghế đúng quy cách cho học sinh và giáo viên, đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông.

*** Kết quả khác:**

Đạt tiêu chuẩn xã phổ cập GDTH năm 1994 đến nay

Đạt tiêu chuẩn xã phổ cập GDTH mức độ III; đạt phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3 từ năm 2018, 2017, 2018;2019.

2.3. Kết quả công tác PCGD THCS:

TT	Nội dung theo tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tổng số trẻ 6 tuổi	109	X

	Số trẻ 6 tuổi vào lớp 1	109	100%
2	Tổng số đối tượng tốt nghiệp tiểu học vừa qua	116	X
	Tổng số đối tượng tốt nghiệp tiểu học vừa qua vào học lớp 6	116	100%
3	Tổng số trẻ đến 14 tuổi	499	X
	Tổng số trẻ đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	496	99.40%
4	Tổng số học sinh lớp 9 (hai hệ) năm học vừa qua	128	X
	Tổng số học sinh lớp 9 (hai hệ) năm học vừa qua tốt nghiệp THCS	128	100%
5	Tổng số đối tượng thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18	578	X
	Số đối tượng thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS	521	90.14%
	Số đối tượng thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đã và đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp THPT hoặc giáo dục nghề nghiệp	433	74.91%
6	Số đối tượng 11-18 tuổi khuyết tật trên địa bàn	9	X
	Số đối tượng 11-18 tuổi khuyết tật trên địa bàn có khả năng học tập	4	X
	Tỉ lệ thanh thiếu niên 11-18 tuổi khuyết tật trên địa bàn được tiếp cận giáo dục	4	100%
7	Tỉ lệ giáo viên THCS đạt chuẩn nghề nghiệp trong năm học vừa qua	33	100%
8	Tỉ lệ giáo viên THCS đạt chuẩn đào tạo	33	100%
9	Tổng số đối tượng thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 18 đến 21	648	X
	Đối tượng thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 18 đến 21 tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	362	55.86%
10	Cơ sở vật chất đáp ứng công tác PCGD (đạt/không đạt)	Đạt	

a. Về đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên:

- Đủ giáo viên và nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị, y tế, văn phòng theo quy định.

- 100% số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đối với giáo viên trung học cơ sở theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 77 của Luật Giáo dục năm 2005.

- 100% số giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở theo quy định, cụ thể:

Số lượng	CBQL			Giáo viên									Chuẩn nghề nghiệp GV				Nhân viên				
	Hạng trưởng	Hiệu trưởng	P. hiệu trưởng	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng	Nữ	Dân tộc	Tỉ lệ giáo viên/lớp	Trên đại học	ĐH	CD	THSP	Xuất sắc/ (Tốt)	Khá	T. bình	Kém	Thư viện	Thiết bị	Văn phòng	Y tế
Số lượng	3	1	1	33	33	0	13	0	2,2	0	29	4	0	15	18	0	0	1	1	3	1

b. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

- Phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học, thư viện, phòng thí nghiệm.

- Đủ thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở; thiết bị dạy học được sử dụng thường xuyên, dễ dàng, thuận tiện.

- Sân chơi và bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn, môi trường xanh, sạch, đẹp, có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước, có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ, cụ thể:

Số Đ.Tr	Số lớp	Số phòng học				Phòng chức năng						Công trình vệ sinh				Sân chơi		Bãi tập			
		Kiến cố	Bán kiến cố	Tạm	Tỉ lệ Ph/Lớp	Hiệu trưởng	P.Hiệu trưởng	Văn phòng	Y tế	Phòng họp	Thư viện	Phòng thí nghiệm		GV		HS		SL	DT	SL	DT
												SL	DT	SL	DT	SL	DT				
01	15	8	0	0	0,87	1	1	1	1	1	1	4	260	1	15	2	80	1	5185	1	3530

Đôi chiếu với tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS quy định tại Điều 14, 15, 16 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập xóa mù chữ và Quyết định số 1387/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2016 của Bộ GDĐT về việc đính chính Thông tư 07. Đề nghị các cấp lãnh đạo công nhận xã Quảng Thành đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2.

2.4. Kết quả công tác PCGD xóa mù chữ:

Đối chiếu Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Đơn vị xã Quảng Thành đạt các chuẩn xóa mù chữ năm 2020 như sau:

STT	Nội dung theo tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn XMC	Số lượng/ tỷ lệ
1	Tổng số đối tượng trong độ tuổi từ 15 đến 35 tuổi	4001
2	Số đối tượng trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức 1	4001
3	Tỷ lệ đối tượng trong độ tuổi từ 15 đến 35 tuổi được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1	100%
4	Tổng số đối tượng trong độ tuổi từ 15 đến 25 tuổi	1877
5	Số đối tượng trong độ tuổi từ 15 đến 25 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức 1	1877
6	Tổng số đối tượng trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi	7474
7	Số đối tượng trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức 2	7213
8	Tỷ lệ đối tượng trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	96.51%
9	Số đối tượng trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức 2	3996
10	Tỷ lệ đối tượng trong độ tuổi từ 15 đến 35 tuổi được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	99.88%

* Tự đánh giá (Theo chuẩn quy định)

Đơn vị xã Quảng Thành đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện đạt chuẩn về xóa mù chữ mức độ 2 năm 2020.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ:

1. Ưu điểm:

- Ban chỉ đạo PCGD-XMC được kiện toàn, bổ sung kịp thời. Kế hoạch thực hiện công tác PCGD-XMC trên địa bàn phù hợp với tình hình thực tiễn, đảm bảo duy trì và phát triển kết quả PCGD-XMC. Công tác PCGD-XMC đều được đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, qua đó đã huy động được nguồn lực tham gia thực hiện.

- Hệ thống trường học được đầu tư nâng cấp theo hướng kiên cố hóa và đảm bảo các điều kiện giảng dạy đã tạo điều kiện thuận lợi và thu hút đối tượng học

sinh trong độ tuổi đến trường. Cơ sở vật chất trang thiết bị được đáp ứng. Đội ngũ cán bộ, giáo viên được tăng cường về số lượng, loại hình và chất lượng đào tạo được cải thiện.

2. Hạn chế:

- Công tác điều tra ở một vài thôn xóm còn để sai sót, một số thông tin ở các hồ sơ bị sai lệch gây khó khăn cho việc tổng hợp.

- Cảnh quan môi trường, sân chơi bãi tập chưa được đầu tư xây dựng một cách đồng bộ để xây dựng trường đạt chuẩn.

- Đa số đối tượng mù chữ có kinh tế khó khăn nên chưa quan tâm đến việc học. Kinh phí hỗ trợ công tác phổ cập xóa mù chữ chưa đáp ứng nhu cầu.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC PCGD-XMC THỜI GIAN TỚI:

- Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục tiếp tục thực hiện tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng chính quyền các cấp tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ về công tác PCGD-XMC và từng bước có các giải pháp để nâng cao chất lượng các chuẩn về PCGD-XMC trong những năm tiếp theo.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang cấp trang thiết bị đảm bảo điều kiện cho công tác PCGD-XMC.

- Chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác huy động và duy trì số lượng học sinh đến trường đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch năm học của nhà trường đề ra; có giải pháp thích hợp để tham mưu với lãnh đạo UBND xã Quảng Thành, các tổ chức đoàn thể hỗ trợ sách vở, áo quần, học bổng... cho những em học sinh có hoàn cảnh khó khăn để các em có điều kiện đến trường nhằm thực hiện tốt công tác duy trì số lượng của nhà trường.

- Tiếp tục chỉ đạo các trường học trên địa bàn xã Quảng Thành tăng cường quản lý hoạt động dạy và học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, quan tâm đến chất lượng giáo dục các lớp cuối cấp... nhằm đáp ứng yêu cầu phổ cập đúng độ tuổi.

Trên đây là Báo cáo tình hình triển khai thực hiện công tác PCGD-XMC năm 2020 trên địa bàn xã Quảng Thành.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Các trường học trên địa bàn;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thị Mỹ My

